

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST

Ngày: 19/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các H thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2023/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HS ngày 12/4/2023 đối với bị cáo:

Lê Trọng D, sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa.

Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Tổ 6, khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, ấp D, xã D1, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1980, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 21/6/2021 bị Công an huyện C (nay là thị xã C) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; bị cáo đã đóng phạt ngày 22/6/2021

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1968

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn 3, xã T, huyện B1, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Đào Thị Q, sinh năm 1973

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đào Thị Ch, sinh năm 1964

Cùng trú tại: Thôn 2, xã T, huyện B1, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Ch là ông Đào Huy M, sinh năm 1975 (giấy ủy quyền ngày 18/4/2023) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 03/8/2022, Lê Trọng D điều khiển xe ô tô con biển số 29T-0643 lưu thông trên đường QL13 theo hướng thị trấn T, huyện H đi thị xã C mà không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu phố 7, thị trấn T, huyện H, D chuyển hướng rẽ phải vào trạm xăng dầu “ĐVT” để đổ xăng thì lúc này, bà Đoàn Thị N điều khiển xe mô tô biển số: 93G1-259.18 chở theo sau là bà Đào Thị Q lưu thông cùng chiều từ phía sau đi đến. Trước khi chuyển hướng Lê Trọng D đi không đúng làn đường theo quy định, chuyển hướng không chú ý quan sát nên đã va chạm với xe mô tô do bà N điều khiển. Hậu quả, bà Đoàn Thị N bị thương tích 80% và bà Đào Thị Q bị thương tích 88%.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện H và tại phiên tòa Lê Trọng D đã khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như nêu ở trên.

Những dấu vết chính tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường Quốc lộ 13, thuộc khu phố 7, thị trấn T, huyện H, đường thẳng, hai bên đường không bị che khuất, mặt đường dải nhựa bằng phẳng, có chiều rộng 25m, có dải phân cách bằng bê tông bố trí giữa đường phân chia thành 2 phần đường xe chạy, mặt đường được chia làm 03 làn đường để phân luồng phương tiện. Lấy mép lề đường bên phải làm mép lề đường chuẩn, lấy trụ điện số 1020 ở ngoài phần đường xe chạy phía bên phải phần đường làm mốc để đo vẽ.

Xe ô tô con biển số 29T-0643 được đỗ trên phần đường xe chạy theo hướng từ huyện H đi thị xã C, đầu xe quay hướng huyện C, đuôi xe quay hướng huyện H. Dấu vết cày để lại trên mặt đường nhựa trên đường vào Trạm xăng dầu ĐVT có dạng đường thẳng dài không liên tục, độ nông sâu và rộng không đồng đều, có kích thước 6,1m x 0,02m, điểm kết thúc tiếp giáp đến vị trí đầu gác chân trước bên trái của xe mô tô biển số 93G1-259.18 lệch từ bên trái sang bên phải một góc khoảng 45 độ. Điểm đầu vết cày cách mép lề đường chuẩn là 1,45m, cách đầu trục bên phải

của bánh sau bên phải xe ô tô là 0,9m, điểm cuối vết cày cách mép lề đường chuẩn là 3,25m.

Xe mô tô biển số 93G1-259.18 bị ngã đổ về phía bên trái trên mặt đường nhựa, đường vào trạm xăng dầu ĐVT, đầu xe quay hướng đi trạm xăng dầu, đuôi xe quay hướng về phía dải phân cách. Đầu trục bên phải của bánh sau xe mô tô cách mép lề đường chuẩn là 2,72m, cách điểm cuối vết cày số 3 là 0,6m; đầu trục bên phải của bánh trước xe mô tô cách mép lề đường cách mép lề đường chuẩn là 3,92m.

Dấu vết dung dịch màu đỏ (nghi là máu) đã khô, có hình dạng không rõ ràng trên mặt đường nhựa vào trạm xăng dầu ĐVT, tâm của dung dịch cách mép lề đường chuẩn là 2,12m, cách đầu trục bên phải của bánh sau xe mô tô là 0,75m.

Dựa vào kết quả khám nghiệm hiện trường và kết quả khám nghiệm phương tiện giao thông xác định: khi xảy ra va chạm, phần đầu xe bên phải ô tô biển số 29T-0643 do Lê Trọng D điều khiển đã va chạm vào xe mô tô biển số 93G1-259.18 do bà Đoàn Thị N điều khiển.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 416/2022/TgT ngày 27/12/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Đoàn Thị N do thương tích gây nên hiện tại là 80% (Tám mươi phần trăm).

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 461/2022/TgT ngày 27/12/2022 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Đoàn Thị N do thương tích gây nên hiện tại là 88% (Tám mươi tám phần trăm).

Tại thời điểm xảy ra tai nạn thì Lê Trọng D điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe theo quy định.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô con 04 chỗ ngồi biển số: 29T0643, nhãn hiệu: MAZDA, màu: Trắng.

- 01 xe mô tô biển số 93G1-259.18, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu: Xám-Đen.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Trọng D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Trọng D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Trọng D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 260; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Trọng D mức hình phạt từ 03 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Đối với yêu cầu bồi thường về dân sự: tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận được về việc bồi thường nên đề nghị HĐXX ghi nhận và buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Trọng D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Khoảng 10 giờ 23 phút ngày 03/8/2022, Lê Trọng D (không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định) điều khiển xe ô tô biển số 29T-0643 lưu thông trên đường QL13 theo hướng thị trấn T, huyện H đi thị xã C, tỉnh Bình Phước. Khi đến đoạn đường thuộc khu phố 7, thị trấn T, huyện H, do D đi không đúng làn đường theo quy định, chuyển hướng không chú ý quan sát nên va chạm với xe mô tô do bà Đoàn Thị N điều khiển chở bà Đào Thị Q; là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn giao thông làm bà Đoàn Thị N bị thương tích 80% và bà Đào Thị Q bị thương tích 88%.

[3] Xét lời khai thừa nhận của bị cáo Lê Trọng D là phù hợp với Biên bản hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định, Biên bản khám nghiệm phương tiện, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng của vụ án. Như vậy, có căn cứ xác định: Bị cáo Lê Trọng D điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ nhưng không có giấy phép điều khiển xe ô tô theo quy định, đi không đúng làn đường theo quy định, khi điều khiển xe chuyển hướng không quan sát, không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 15, khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ, điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ không kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật, vi phạm khoản 3 Điều 55 Luật giao thông đường bộ, gây ra tai

nạn làm người bị hại bà Đoàn Thị N thương tích 80%; bà Đào Thị Q thương tích 88%. Hành vi của bị cáo Lê Trọng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Trọng D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại các điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự giao thông công cộng, làm người bị hại bà Đoàn Thị N thương tích 80%; bà Đào Thị Q thương tích 88%, điều khiển xe không có giấy phép lái xe theo quy định, không đi đúng làn đường theo quy định, bị cáo là người có nhân thân xấu, bị Công an thị xã C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà vẫn vi phạm quy định pháp luật, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động với gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại Đoàn Thị N số tiền 52.500.000đ, bồi thường cho bà Đào Thị Q số tiền 62.500.000đ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo có cha Lê Trọng H là người có công với cách mạng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Tại phiên tòa, đại diện của bị hại bà Đào Thị Q là ông Đào Huy M yêu cầu bị cáo D phải bồi thường các chi phí khám, chữa, điều trị bệnh, tổn thất về tinh thần, thu nhập bị mất, công người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị với tổng số tiền là 300.000.000đ, trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó là 62.500.000đ, nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 237.500.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về bồi thường thiệt hại của bị cáo và đại diện bị hại là sự tự nguyện, không bị lừa dối, không có sự ép buộc, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Lê Trọng D bồi thường cho bà Đào Thị Q số tiền 237.500.000đ.

[5.2] Đối với yêu cầu bồi thường của bà N: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại bà Đoàn Thị N yêu cầu bị cáo D phải bồi thường các chi phí khám, chữa,

điều trị bệnh, tổn thất về tinh thần, thu nhập bị mất, công người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị với tổng số tiền là 200.000.000đ, trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó là 52.500.000đ, nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 147.500.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện bị hại bà N. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về bồi thường thiệt hại của bị cáo và đại diện bị hại là sự tự nguyện, không bị lừa dối, không có sự ép buộc, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Lê Trọng D bồi thường cho bà Đoàn Thị N số tiền 147.500.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô con 04 chỗ ngồi biển số: 29T0643, nhãn hiệu: MAZDA, màu: Trắng, đây là tài sản của Lê Trọng D. Ngày 03/8/2022, D sử dụng làm phương tiện đi lại rồi gây tai nạn, không phải vật chứng vụ án. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho Lê Trọng D

- 01 xe mô tô biển số 93G1-259.18, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu: Xám-Đen là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm: 1969 không phải vật chứng vụ án. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho gia đình ông N1 là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật;

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lê Trọng D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 260; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Trọng D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự, Điều 7 Nghị Quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Trọng D với đại diện bị hại Đoàn Thị N nội dung sau: Bị cáo Lê Trọng D bồi thường tổng chi phí cho bị hại

Đoàn Thị N các khoản gồm: chi phí khám, chữa, điều trị bệnh, tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm, thu nhập bị mất, công người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị với tổng số tiền là 200.000.000đ, khấu trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó là 52.500.000đ, nên bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 147.500.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị N khi bản án có hiệu lực. Các chi phí khác, kể cả các chi phí phát sinh sau này bị hại Đoàn Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Trọng D với bị hại Đào Thị Q, người đại diện hợp pháp của bà Đào Thị Q là ông Đào Huy M nội dung sau: Bị cáo Lê Trọng D bồi thường tổng chi phí cho bị hại Đào Thị Q các khoản gồm: chi phí khám, chữa, điều trị bệnh, tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm, thu nhập bị mất, công người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị với tổng số tiền là 300.000.000đ, khấu trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó là 62.500.000đ, nên bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 237.500.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Đào Thị Q khi bản án có hiệu lực. Các chi phí khác, kể cả các chi phí phát sinh sau này bị hại Đào Thị Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc H.

Bị cáo Lê Trọng D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 19.250.000đ (mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bộ phận HSNV Công an huyện H;
- Nhà tạm giữ Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Đại diện bị hại, bị hại;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Học